

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Ngọc M, sinh năm 1998; nơi ĐKTT: Tổ dân phố 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn 6, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1997; nơi ĐKTT: Tổ dân phố 3, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố 8, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 01-7-2021, Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 21-6-2017. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng nhau tại tổ dân phố 8, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành

phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát chủ yếu là từ phía anh T. Anh T ham chơi, thường xuyên vay nợ bên ngoài, tiền bạc không rõ ràng, không quan tâm đến vợ. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không được. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bà ngoại ở một vài ngày rồi vợ chồng lại quay về chung sống cùng nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Đến tháng 6-2020, chị và anh T lại xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lớn; nguyên nhân cũng xuất phát từ vấn đề tiền bạc và anh T đã có những lời lẽ xúc phạm đến mẹ đẻ chị, đồng thời đánh chửi, đuổi chị đi nên chị đã về nhà bà ngoại ở và sống ly thân với anh T khoảng 3-4 tháng. Trong thời gian này, chị vẫn qua lại thăm nom con nhưng không về ở với anh T. Sau đó được gia đình hai bên động viên nên chị về nhà mẹ chồng chị tại tổ dân phố Đoàn Kết, phường Hải Sơn ở với các con mà không về ở cùng anh T, thời gian này anh T đi làm ở Hà Nội. Đến gần cuối năm 2020, anh T từ Hà Nội về thì gia đình động viên chị vì con cái mà quay về chung sống cùng anh T thì chị cũng đã cho anh T cơ hội để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng về ở với nhau thì lại xảy ra việc anh T bỏ đi khỏi nhà 1 tuần, khi về thì lại xảy ra việc cầm cố xe, sau đó anh T lại có dấu hiệu bỏ bê vợ con, đi đâu, làm gì chị không được biết, thêm nữa, anh T lại có biểu hiện vay mượn nhiều nơi. Chính vì vậy nên chị không còn sự tin tưởng với anh T. Bản thân chị đã rất cố gắng để cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Do đó, chị đã về nhà bố đẻ tại Thủy Nguyên ở từ khoảng đầu tháng 7-2021 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đề nghị chị quay về đoàn tụ nhưng thường xuyên nhảm nhí xúc phạm, trách móc chị và sử dụng mạng xã hội đăng tin với nội dung thiếu tôn trọng chị và mẹ đẻ chị, đổ lỗi cho chị mà không nhận thức được việc mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là xuất phát từ bản thân anh T để sửa đổi. Việc này ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và cuộc sống của chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Xuân Gia B, sinh ngày 06-7-2014 và cháu Đinh Xuân Gia K, sinh ngày 04-6-2018. Chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng các con, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-7-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đinh Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T trình bày thống nhất với chị M về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn. Anh thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra cãi nhau, anh có chơi bời nhưng thực tế chị M cũng chưa phải lo toan cho kinh tế gia đình, anh vẫn đi làm ăn bình thường và giao toàn bộ tiền lương cho chị M quản lý. Đôi khi anh có sai nhưng đến khi bình tĩnh lại anh đã xin lỗi, phân tích cho chị M để chị M thông cảm cho anh, sau đó vợ chồng lại

chung sống hạnh phúc chứ không giận nhau lâu. Anh cũng thừa nhận thỉnh thoảng có đi chơi qua đêm nhưng khi về thì anh đã giải thích để chị M hiểu, thông cảm và mặc dù anh có chơi bời nhưng về nhà anh vẫn chăm lo chu đáo cho các con. Việc anh cầm cố xe như chị M trình bày là có thật nhưng đã xảy ra từ đầu năm và việc anh vay mượn cũng là do anh muốn tự giải quyết việc cầm cố xe mà không để chị M phải lo lắng. Thời điểm xảy ra mâu thuẫn gần đây nhất là do bạn chị M thường xuyên ở nhà anh chị nên vợ chồng không có cơ hội nói chuyện với nhau nên chỉ từ những chuyện nhỏ nhất trong cuộc sống sinh hoạt đã dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi vã. Đến đầu tháng 7-2021, chị M đã bỏ đi và quyết định ly hôn với anh. Trong khoảng thời gian này, anh đã rất cố gắng sửa sai, đi làm lo cho con cái để chị M thấy được sự cố gắng của anh mà quay về. Đến nay, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, anh mong chị M cho anh cơ hội để anh sửa chữa sai lầm và mong chị M suy nghĩ lại vì con cái còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung như chị M trình bày. Trường hợp ly hôn, anh nhận nuôi các con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 19-7-2021, cháu Đinh Xuân Gia B trình bày:

Nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là cháu muốn được ở với bố.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh T có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và đã có lần sống ly thân. Nguyên nhân chủ yếu là do xuất phát từ vấn đề tiền bạc, kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau. Gia đình, người thân cũng đã động viên chị M và anh T để giải quyết mâu thuẫn nhưng đến nay không có kết quả. Chị M và anh T đã sống ly thân từ đầu tháng 7-2021 đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Chị M và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, Hải Phòng vào ngày 21-6-2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại tổ 8, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống gia đình anh chị không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng và tìm biện pháp khắc phục nhưng không có hiệu quả. Hai bên gia đình cũng đã tác động, khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà bố đẻ ở Thủy Nguyên ở và sống ly thân với anh T từ tháng 6-2020 đến nay. Chị M và anh T đã sống ly thân, cuộc sống chung vợ chồng đã không còn, quan hệ hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị M, anh T có 02 con chung

là cháu Đình Xuân Gia B, sinh ngày 06-7-2014 và cháu Đình Xuân Gia K, sinh ngày 04-6-2018. Chị M đề nghị giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng vì không có điều kiện nuôi con, anh T đồng ý. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T, có cuộc sống ổn định. Anh T có công việc ổn định, có chỗ ở riêng, hợp pháp, cháu Gia B (đã đủ 07 tuổi) có nguyện vọng được ở với anh T. Chị M, anh T đồng ý để anh T nuôi hai con nên cần giao cháu Gia B, cháu Gia K cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của chị Đình Thị Ngọc M ly hôn với anh Đình Xuân T; giao cháu Đình Xuân Gia B, cháu Đình Xuân Gia K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi); chị M phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Đình Xuân T cư trú tại tổ dân phố 8, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về sự vắng mặt của đương sự:** Nguyên đơn là chị Đình Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 21-6-2017 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị M và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có những lời lẽ xúc phạm nhau, chị M và anh T cũng đã từng sống ly thân rồi lại quay về với nhau; đến nay, chị M và anh T đã sống ly thân từ tháng 7-2021, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình

làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh T không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa anh T lại vắng mặt tại phiên hoà giải và **phiên toà** không mà có lý do, thể hiện anh T không còn thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M. Vì vậy, yêu cầu của chị M đề nghị được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Xuân Gia B, sinh ngày 06-7-2014 và cháu Đinh Xuân Gia K, sinh ngày 04-6-2018. Cả chị M và anh T đều thống nhất giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo và điều kiện nuôi con của anh T. Vì vậy, yêu cầu của chị M, anh T về việc giao con chung là cháu Bảo và cháu Khôi cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị M và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ngọc M được ly hôn anh Đinh Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Xuân Gia B, sinh ngày 06-7-2014 và cháu Đinh Xuân Gia K, sinh ngày 04-6-2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007203 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Yến

Nguyễn Thị Loan

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Nhuận Nguyễn Khắc Quyết

Bùi Duy Khoa